

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ I/2012

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	954,695,692,873	936,213,851,890	954,695,692,873	936,213,851,890
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	(156,896,940)	(52,257,975)	(156,896,940)	(52,257,975)
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	954,539,595,933	936,161,594,815	954,539,595,933	936,161,594,815
4.	Giá vốn hàng bán	819,145,140,436	778,614,536,141	819,145,140,436	778,614,536,141
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	135,394,455,497	157,547,058,674	135,394,455,497	157,547,058,674
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	12,259,471,273	29,330,058,103	12,259,471,273	29,330,058,103
7.	Chi phí tài chính	24,739,420,906	24,059,173,914	24,739,420,906	24,059,173,914
	Trong đó: chi phí lãi vay	20,387,602,422	15,252,159,206	20,387,602,422	15,252,159,206
8.	Chi phí bán hàng	41,963,169,362	42,574,804,427	41,963,169,362	42,574,804,427
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,832,302,974	11,459,468,919	15,832,302,974	11,459,468,919
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	65,119,033,528	108,783,669,517	65,119,033,528	108,783,669,517
11.	Thu nhập khác	392,420,707	596,710,411	392,420,707	596,710,411
12.	Chi phí khác	821,267,361	1,493,560,833	821,267,361	1,493,560,833
13.	Lợi nhuận khác	(438,846,654)	(896,850,422)	(438,846,654)	(896,850,422)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64,680,186,874	107,886,819,095	64,680,186,874	107,886,819,095
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,395,054,430	18,185,512,894	9,395,054,430	18,185,512,894
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	571,955,830	(149,775,688)	571,955,830	(149,775,688)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54,713,176,614	89,851,081,889	54,713,176,614	89,851,081,889
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	5,456,097,813	6,998,121,036	5,456,097,813	6,998,121,036
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	49,257,078,801	82,852,960,853	49,257,078,801	82,852,960,853
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,072	1,803	1,072	1,803

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 05 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trưởng Hội đồng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ I/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2012	Quý I/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64,680,186,874	107,886,819,095
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	20,685,507,877	20,032,438,637
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	1,115,386,250	(8,313,697,610)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	20,387,602,422	15,252,159,206
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		106,868,683,423	134,857,719,328
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43,003,432,434)	134,807,566,953
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(81,274,530,704)	140,467,961,147
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6,241,775,589	(280,115,569,091)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,684,527,271)	719,773,862
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(21,257,888,884)	(15,252,159,206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(837,285,600)	(30,445,577,242)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,556,512,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17,199,551,019)	(8,290,561,724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50,590,244,899)	76,749,154,027
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	7,342,999,019	(32,336,013,390)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	756,412,548
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	(1,115,386,250)	9,930,085,727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,227,612,769	(23,649,515,115)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	-	(4,171,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.27	308,145,132,791	454,158,966,615
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.27	(552,344,136,917)	(367,771,114,251)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(244,199,004,126)	82,215,947,627
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(288,561,636,256)	135,315,586,539
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		437,008,904	1,841,118,970
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41,300,329,524	263,576,099,839

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 05 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,537,400,962,459	1,758,324,324,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41,300,329,524	329,424,956,877
1. Tiền	111		41,300,329,524	312,924,956,877
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		206,173,116	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	206,173,116	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		529,672,241,295	563,618,091,194
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	424,410,911,705	485,307,767,483
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	101,185,030,364	74,542,924,504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6,630,288,571	6,321,388,552
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,553,989,345)	(2,553,989,345)
IV. Hàng tồn kho	140		904,530,959,963	823,256,429,259
1. Hàng tồn kho	141	V.7	950,026,902,921	868,752,372,217
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(45,495,942,958)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61,691,258,561	41,805,298,410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,174,531,271	1,211,599,259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23,789,684,785	12,668,355,903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	251,970,546	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	36,475,071,959	27,317,335,395

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		654,347,119,556	649,295,263,719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		568,645,970,733	565,799,074,719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	471,818,540,222	488,277,285,379
<i>Nguyên giá</i>	222		769,008,405,971	764,893,969,470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(297,189,865,749)	(276,616,684,091)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	62,840,958,731	62,944,217,450
<i>Nguyên giá</i>	228		64,926,436,101	64,917,368,601
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,085,477,370)	(1,973,151,151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	33,986,471,780	14,577,571,890
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		85,701,148,823	83,496,189,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	56,732,531,219	55,010,935,960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	5,336,212,556	5,908,168,386
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	23,632,405,048	22,577,084,654
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,191,748,082,015	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		834,728,247,850	1,100,805,436,737
I. Nợ ngắn hạn	310		784,998,561,102	1,039,047,348,989
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	401,802,756,056	633,578,126,990
2. Phải trả người bán	312	V.19	130,446,600,767	129,537,953,983
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	5,038,868,117	6,850,285,852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	41,129,074,910	33,507,008,178
5. Phải trả người lao động	315	V.22	29,878,995,134	38,523,008,346
6. Chi phí phải trả	316	V.23	8,186,599,068	16,224,971,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	112,675,558,503	116,642,164,422
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	21,840,108,547	30,183,829,566
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		49,729,686,748	61,758,087,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	46,942,312,000	58,942,312,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	2,787,374,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,292,298,006,949	1,243,040,928,148
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,292,298,006,949	1,243,040,928,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29	3,991,224,376	3,991,224,376
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	663,199,267,928	613,942,189,127
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		64,721,827,216	63,773,223,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,191,748,082,015	2,407,619,588,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

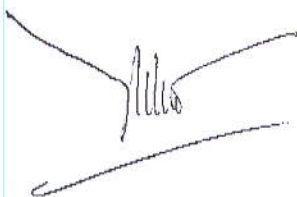
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài					-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công					-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược					-
4. Nợ khó đòi đã xử lý					-
5. Ngoại tệ các loại:					-
Dollar Mỹ (USD)			2,164,533.67		15,136,082.68
Euro (EUR)			304.89		307.06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án					-

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý I/2012**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
4. **Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	98,6%	98,6%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/03/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	3.374.398.540	2.262.458.395
Tiền gửi ngân hàng	37.925.930.984	304.562.498.482
Tiền đang chuyển		6.100.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)		16.500.000.000
Cộng	<u>41.300.329.524</u>	<u>329.424.956.877</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	206.173.116	219.548.828
Cộng	<u>206.173.116</u>	<u>219.548.828</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	189.499.204.600	199.968.042.605
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	69.834.360.019	13.167.335.726
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	165.077.347.086	272.172.389.152
Cộng	<u>424.410.911.705</u>	<u>485.307.767.483</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	74.578.395.631	60.475.846.820
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	12.225.847.899	2.257.799.138
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	14.380.786.834	11.809.278.546
Cộng	<u>101.185.030.364</u>	<u>74.542.924.504</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khoản phải thu khác	6.630.288.571	6.321.388.553
Cộng	<u>6.630.288.571</u>	<u>6.321.388.553</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	1.599.031.300	19.450.224.909
Nguyên liệu, vật liệu	145.667.161.182	126.938.625.860
Công cụ, dụng cụ	3.373.490.540	3.107.842.478
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	398.974.040.037	321.343.498.323
Thành phẩm	400.178.135.902	353.505.848.292
Hàng hóa	235.043.960	63.204.912
Hàng gửi đi bán		44.343.127.444
Cộng	<u>950.026.902.921</u>	<u>868.752.372.217</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thành phẩm	45.495.942.958	45.495.942.958
Cộng	<u>45.495.942.958</u>	<u>45.495.942.958</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu kỳ	1.211.599.259
Tăng trong kỳ	621.776.415
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(658.844.403)
Số cuối kỳ	<u>1.174.531.271</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	251.970.546	608.007.853
Cộng	<u>251.970.546</u>	<u>608.007.853</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	31.540.828.359	25.174.915.795
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.934.243.600	2.142.419.600
Cộng	<u>36.475.071.959</u>	<u>27.317.335.395</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	279.636.145.480	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.361	764.893.969.470
Tăng trong kỳ	747.053.459	2.965.008.292		402.374.750	4.114.436.501
Số cuối kỳ	<u>280.383.198.939</u>	<u>465.197.291.250</u>	<u>20.483.720.671</u>	<u>2.944.195.111</u>	<u>769.008.405.971</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Khấu hao trong kỳ	4.895.875.199	14.778.745.164	756.525.811	142.035.484	20.573.181.658
Số cuối kỳ	<u>60.524.712.442</u>	<u>225.407.259.901</u>	<u>9.505.377.170</u>	<u>1.752.516.236</u>	<u>297.189.865.749</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	224.007.308.237	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.609	488.277.285.379
Số cuối kỳ	219.858.486.497	239.790.031.349	10.978.343.501	1.191.678.875	471.818.540.222

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 464.535.733.094 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
Mua trong kỳ	9.067.500		9.067.500
Số cuối kỳ	64.177.140.301	749.295.800	64.926.436.101
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Khấu hao trong kỳ	95.465.352	16.860.867	112.326.219
Số cuối kỳ	1.471.837.081	613.640.289	2.085.477.370
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450
Số cuối kỳ	62.705.303.220	135.655.511	62.840.958.731

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 22.568.847.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua tài sản cố định	177.929.688	2.024.139.187		2.202.068.875
Xây dựng cơ bản dở dang	14.399.642.202	17.880.283.494	(495.522.791)	31.784.402.905
Chi phí ao nuôi cá	5.211.443.396	4.083.767.064		9.295.210.460
Công trình Nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2	6.839.513.839	12.632.891.779		19.472.405.618
Các công trình khác	2.348.684.967	1.163.624.651	(495.522.791)	3.016.786.827
Cộng	14.577.571.890	19.904.422.681	(495.522.791)	33.986.471.780

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu kỳ	55.010.935.960
Tăng trong kỳ	4.570.620.729
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.849.025.470)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	56.732.531.219	
16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:		
Số đầu kỳ	5.908.168.386	
Phát sinh trong kỳ	5.336.212.556	
Hoàn nhập trong kỳ	(5.908.168.386)	
Số cuối kỳ	5.336.212.556	
17. Tài sản dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
18. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	397.002.756.056	627.278.126.990
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ^(a)	35.166.472.995	19.616.660.608
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	339.426.518.785	413.791.466.382
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp		177.370.000.000
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp		16.500.000.000
- Vay Ngân hàng Natixis chi nhánh TPHCM ^(c)		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	4.800.000.000	6.300.000.000
Cộng	401.802.756.056	633.578.126.990
(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 80 tỷ đồng và bảo lãnh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.		
(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán có truy đòi đối với các khoản phải thu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2). Khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 được bảo lãnh bởi Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 200 tỷ đồng.		
(c) Khoản vay Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế hàng tồn kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trị giá 40 tỷ đồng.		
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:		
Số đầu năm	633.578.126.990	
Số tiền vay phát sinh	308.145.132.791	
Chênh lệch tỷ giá	423.633.192	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số tiền vay đã trả	(540.344.136.917)			
Số cuối năm	401.802.756.056			
19. Phải trả người bán				
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	114.237.647.981	102.462.910.783		
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	14.667.676.414	25.533.766.826		
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.541.276.372	1.541.276.374		
Cộng	130.446.600.767	129.537.953.983		
20. Người mua trả trước				
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	5.037.319.292	6.157.619.827		
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	1.548.825	692.666.025		
Cộng	5.038.868.117	6.850.285.852		
21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.135.381.399	(991.109.449)	144.271.950
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	433.708	7.204.932.796	(6.922.105.704)	283.260.800
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	1.766.258.855	(1.410.221.548)	(251.970.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.673.157.273	9.395.054.430	(1.510.385.370)	39.557.826.333
Thuế thu nhập cá nhân	1.833.417.197	1.631.529.237	(2.321.230.607)	1.143.715.827
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	
Cộng	32.899.000.325	21.139.156.717	(13.161.052.678)	40.877.104.364

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay		870.286.462
Chi phí khác	8.186.599.068	15.354.685.190
Cộng	<u>8.186.599.068</u>	<u>16.224.971.652</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	2.861.962.858	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.723.585.066	1.106.300.846
Cổ tức phải trả	58.448.500	58.448.500
Các khoản phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu, phải trả khác	108.031.562.079	112.878.596.462
Cộng	<u>112.675.558.503</u>	<u>116.642.164.422</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan năm thứ 8.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu kỳ	30.183.829.566
Tăng khác	56.512.000
Chi quỹ trong kỳ	<u>(8.400.233.019)</u>
Số cuối kỳ	<u>21.840.108.547</u>

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(a)	<u>46.942.312.000</u>	<u>58.942.312.000</u>
Cộng	<u>46.942.312.000</u>	<u>58.942.312.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống

Trên 01 năm đến 05 năm

46.942.312.000

Tổng nợ**46.942.312.000****28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu kỳ

2.815.775.748

Số trích lập trong kỳ

Số chi trong kỳ

(28.401.000)

Số cuối kỳ

2.787.374.748**29. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu kỳ	Lợi nhuận trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	471.512.730.000		471.512.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	190.492.000.000		190.492.000.000
Cổ phiếu quỹ	(36.897.215.355)		(36.897.215.355)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.991.224.355		3.991.224.355
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	613.942.189.127	49.257.078.801	663.199.267.928
Tổng cộng	1.243.040.928.148	49.257.078.801	1.292.298.006.949

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Tổng doanh thu	954.695.692.873	936.213.851.890
- Doanh thu bán hàng hóa	30.191.039.141	36.290.005.492
- Doanh thu bán thành phẩm	774.788.009.907	787.893.061.985
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.816.662.982	11.204.466.976
- Doanh thu nguyên vật liệu	22.478.399.509	25.918.878.728
- Doanh thu phế phẩm	116.421.581.334	74.907.438.709
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(156.096.940)	(52.257.075)
- Giảm giá hàng bán	(155.768.940)	(52.257.075)
- Hàng bán bị trả lại	(328.000)	-
Doanh thu thuần	<u>954.539.595.933</u>	<u>936.161.594.815</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	30.034.942.201	36.289.773.257
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	774.788.009.907	787.841.037.145
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	10.816.662.982	11.204.466.976
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	22.478.399.509	25.918.878.728
- Doanh thu thuần phế phẩm	116.421.581.334	74.907.438.709

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Giá vốn của hàng hóa	21.778.862.636	13.374.177.184
Giá vốn của thành phẩm	679.687.847.636	665.732.215.146
Giá vốn của nguyên vật liệu	19.153.441.792	24.363.271.121
Giá vốn của phế phẩm	98.524.988.372	75.144.872.690
Cộng	<u>819.145.140.436</u>	<u>778.614.536.141</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	198.916.667	2.799.049.047
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	227.155.877	175.427.729
Lãi cho vay		314.648.563
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.667.432.693	160.435.829
Lãi bán hàng trả chậm	750.963.110	1.572.144.486
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.415.002.926	24.308.352.449
Cộng	<u>12.259.471.273</u>	<u>29.330.058.103</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Lãi tiền vay	20.387.602.422	15.252.159.206
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.351.818.484	8.807.014.708
Cộng	<u>24.739.420.906</u>	<u>24.059.173.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí nhân viên	1.605.543.100	1.149.449.531
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.558.955	44.539.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.523.729.990	22.119.620.476
Chi phí khác	13.813.337.317	19.261.194.922
Cộng	<u>41.963.169.362</u>	<u>42.574.804.427</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí nhân viên	7.811.016.239	4.750.314.346
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	421.913.548	331.933.585
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.321.436.069	1.357.138.532
Thuế, phí và lệ phí	157.771.908	148.982.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.141.489.358	2.676.681.344
Chi phí khác	3.978.675.852	2.194.418.854
Cộng	<u>15.832.302.974</u>	<u>11.459.468.919</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Thu nhập khác	382.420.707	596.710.411
Cộng	<u>382.420.707</u>	<u>596.710.411</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí khác	821.267.361	1.493.560.833
Cộng	<u>821.267.361</u>	<u>1.493.560.833</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	49.257.078.801	82.852.960.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.952.523	45.955.326
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.072</u>	<u>1.803</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Quý I/2012</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	45.952.523
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>45.952.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý I/2012</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	10.273.906.426
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	5.394.222.080

Tại ngày 31/03/2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.476.982.089	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan		1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	19.476.982.089	21.142.394.771

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.258.211.440	
Cộng nợ phải trả	2.258.211.440	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I/2012</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ, giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	10.567.459.142
Bán hàng hóa, dịch vụ	180.963.986
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	5.051.177.401
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán thành phẩm	76.206.316.180
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.044.209.309
Mua nguyên vật liệu, Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	159.004.910.520

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải tiền hàng ủy thác xuất khẩu	260.068,60 USD	231.596,05USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	<u>54.067.504,491</u>	<u>163.276.785</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền hàng	6.577.913,602	2.692.462,513
Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	20.679,21 USD	102.466,83 USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua hàng	2.014.350,658	
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	5.108.593,29 USD	5.190.182,89 USD
Ứng trước tiền hàng		691.236,000
Phải trả tiền thu hộ		<u>712.250,000</u>

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 05 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc